

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST

Ngày: 28/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Hoàn – Nơi công tác: Trường tiểu học C, huyện A;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Nơi công tác: Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Châu San - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Hồ Hữu T, sinh năm 2003; Tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn P, sinh năm: 1980 và bà Mai Thị R, sinh năm 1981; Chung sống như vợ chồng với Lê Thu T, có một con chung tên Hồ Lê Bảo A. Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện A.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Huỳnh Thị Diễm S, sinh năm 1995, nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1950, nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Nguyễn Văn Đ, 13 tuổi 06 tháng, nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Người giám hộ cho Nguyễn Văn Đ là bà Ngụy Thị Yến T – Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã V.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1975, nơi cư trú: Khóm An Thịnh, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

4. Trần Văn A, sinh năm 1961, nơi cư trú: Khóm An Hưng, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang (Tiệm vàng Thanh Khang)

5. Hồ Kiều I, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

6. Hà Thị M, sinh năm: 1945, nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

7. Tô Thanh Q, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1. Trương Thanh G

2. Trần Anh D

3. Thị H

(Tại phiên tòa hôm nay bà S, bà M, bà I có mặt; bà T vắng mặt có đơn, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 01 giờ ngày 22/11/2022, sau khi uống rượu cùng Nguyễn Văn Đ, Hồ Hữu T nói với Đ kiểm tiền để nhập tiếp, Đ hiểu là tìm tài sản để lấy trộm, cả hai đi đến phía sau nhà của chị Huỳnh Thị Diễm S thuộc ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, cách chỗ nhập khoảng 50m.

Tại đây, T đứng canh giới cho Đ đột nhập vào nhà chị S bằng cửa sau, được khoảng 10 phút sợ phát hiện nên T bỏ về nhà nằm vờng. Sau khi Đ lấy tài sản là 05 nhẫn vàng gồm: 04 nhẫn hột, 01 nhẫn đồng tiền; 01 sợi dây tay hạt châu và 01 điện thoại di động hiệu OPPO thì mang về nhà T và cùng T cất sau bàn thờ; T kêu Đ mang trả lại điện thoại, Đ nghe theo lời T mang trả điện thoại thì lấy thêm 01 dây chuyền chữ Công, dạng đặc và tiếp tục mang về đưa cho T cất giấu.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, T thuê chị Thị H chở đến tiệm vàng “Thanh Khang” tại khóm N, thị trấn A bán sợi dây chuyền chữ Công được số tiền 49.137.000đ. Số tiền có được, T mua điện thoại di động 19.490.000đ và phụ kiện 1.358.000đ; trả tiền xem ôm 100.000đ; cho bà nội Hà Thị M 5.000.000đ; trả nợ bà Hồ Kiều I 1.000.000đ; mua bia và thức ăn 500.000đ; mua điện thoại di động cho Đ và phụ kiện 2.000.000đ. Chiều cùng ngày, T thuê anh Tô Thanh Q chở đến thị trấn A mua xe mô tô 14.000.000đ; trả công anh Q 500.000đ. T dùng xe vừa mua được chở Đ mua sắm quần áo, đồ dùng cá nhân và nhập với bạn bè 4.000.000đ.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị S nhận được thông tin T mang sợi dây chuyền đến bán tại tiệm vàng Thanh Khang nên đề nghị được xem lại camera an ninh của tiệm, xác nhận T đã lấy tài sản nên chị trình báo Công an xã V. Khoảng 18 giờ, T đầu thú, khai nhận cùng Đ lấy trộm vàng của chị S. Đồng thời, T tự nguyện giao nộp điện thoại di động cùng phụ kiện, tiền mặt 1.000.000đ, xe mô tô BKS 67D1-538.97 và chỗ cất giấu 05 nhẫn vàng, 01 sợi dây tay.

Cùng ngày, ông Trần Văn S (chủ tiệm vàng Thanh Khang) giao nộp sợi dây chuyền vàng chữ Công, dạng đặc; bà Hà Thị M giao nộp 2.500.000đ; bà Hồ Kiều I giao nộp 1.000.000đ.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 207 ngày 28/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang kết luận:

- 01 sợi dây chuyền chữ công, dạng đặc, vàng 18K, tỉ lệ vàng 68,98%, trọng lượng 13,9 chỉ, trị giá 50.112.000đ;

- 01 dây tay hạt châu, vàng 18k, tỷ lệ vàng 60,39%, trọng lượng 1,38 chỉ, trị giá 4.257.300đ;
- 01 nhẫn hột, vàng Ý 74,71%, trọng lượng 1,11 chỉ, trị giá 4.284.000đ;
- 01 nhẫn hột, vàng Ý 75,05%, trọng lượng 1,19 chỉ, trị giá 4.593.400đ;
- 01 nhẫn hột, vàng Ý 73,06% trọng lượng 0,91 chỉ, trị giá 3.512.000đ;
- 01 nhẫn hột, vàng trắng (vàng 10K) 42,34%, trọng lượng 0,78 chỉ, trị giá 1.669.200đ;
- 01 nhẫn đồng tiền, vàng 18K, tỉ lệ vàng 60,7%, trọng lượng 0,22 chỉ, trị giá 678.700đ.

Tổng giá trị tài sản 69.107.000đ

Ngày 23/11/2022, Hồ Hữu T bị tạm giữ. Ngày 29/11/2022, Hồ Hữu T bị khởi tố để điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 sợi dây chuyền chữ công, dạng đặc, vàng 18K, tỉ lệ vàng 68,98%, trọng lượng 13,9 chỉ;
- 01 dây tay hạt châu, vàng 18k, tỷ lệ vàng 60,39%, trọng lượng 1,38 chỉ;
- 01 nhẫn hột, vàng Ý 74,71%, trọng lượng 1,11 chỉ;
- 01 nhẫn hột, vàng Ý 75,05%, trọng lượng 1,19 chỉ;
- 01 nhẫn hột, vàng Ý 73,06% trọng lượng 0,91 chỉ;
- 01 nhẫn hột, vàng trắng (vàng 10K) 42,34%, trọng lượng 0,78 chỉ;
- 01 nhẫn đồng tiền, vàng 18K, tỉ lệ vàng 60,7%, trọng lượng 0,22 chỉ;
- 01 xe mô tô BKS 67D1-538.97, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn trắng – đỏ;
- 01 điện thoại di động OPPO A03S, màu xanh và cáp sạc;
- 01 điện thoại di động Iphone 13, màu xanh và cáp sạc;
- 01 pin sạc dự phòng nhãn hiệu UMTERVAVL SKY 10000, màu đen dung lượng 10.000 MAH, chưa qua sử dụng;
- Tiền Việt Nam 23.300.000đ.

Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Bị hại S đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm.

Tại bản cáo trạng số: 17/VKS-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023 truy tố bị cáo Hồ Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng vừa nêu. Từ trước đến nay, bị cáo không biết gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên không yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Người bị hại bà Huỳnh Thị Diễm S trình bày: Số tài sản bị mất trộm bà đã nhận lại, không yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa, bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Kiều I trình bày: Bà là cô ruột của bị cáo. Trước đây bà có cho bị cáo vay 1.000.000đ để đi xe lên Bình Dương tìm việc làm. Đến ngày 22/11/2022, bị cáo mang tiền đến trả, bà có tra hỏi thì được biết số tiền trên bị cáo chơi game thắng được, khi bà biết tiền do bị cáo trộm mà có được bà đã giao nộp cho cơ quan điều tra, bà không có yêu cầu gì.

Bà Hà Thị M trình bày: Bà là bà nội của bị cáo, từ nhỏ bị cáo sống với bà, sau đó đi làm Bình Dương được một thời gian thì quay về phụ giúp bà bán bún để kiếm thu nhập. Vào ngày 22/11/2022, bị cáo có đưa cho bà 5.000.000đ, bà tra hỏi thì bị cáo cho biết chơi game thắng được, bà đã tiêu xài 2.500.000đ. Khi bà biết tiền do bị cáo trộm tài sản của chị S đã giao nộp toàn bộ số tiền trên cho cơ quan điều tra và giúp bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại, bà không yêu cầu bị cáo trả lại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về, lao động giúp bà lo kinh tế gia đình.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Hồ Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 theo Điều 173, áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17, 46, 47, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị tuyên phạt bị cáo tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự: Bị hại, những người liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo không ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì về phần luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và bà nội; bị cáo trong một phút thiếu suy nghĩ đã có hành vi vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm lo bà nội đã lớn tuổi, làm lại cuộc đời và hòa nhập cùng cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo đã khai nhận phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo thừa nhận do không có việc làm, cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã cùng Đ tìm tài sản để lấy

trộm. Do hai tháng trước Đ từng làm thuê, sống ở nhà bà S nên biết chỗ để tài sản và lợi dụng phía cửa sau nhà bà S có chỗ hở nên bị cáo đứng cạnh giới để Đ vào lấy tài sản gồm 04 nhẫn hột, 01 nhẫn đồng tiền; 01 sợi dây tay hạt châu; 01 sợi dây chuyền chữ Công dạng đặc như cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát vừa nêu.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 207 ngày 28/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, kết luận tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 69.107.000đ đủ cơ sở xác định Hồ Hữu T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo ra trước phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn có cơ sở, đúng căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi của bị cáo:

Bị cáo và Đ là đồng phạm có sự phân công nhiệm vụ nhưng mang tính chất giản đơn: Bị cáo là người chủ mưu, xúi giục Đ và thực hiện nhiệm vụ canh giới; Đ là người thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương và trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi sai phạm nhưng vì mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Theo lời khai của bị cáo ngày 06/12/2022 (BL 109) ghi nhận khi tiếp xúc Đ nói bản thân 16 tuổi. Theo Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi ngày 31/01/2023 của Trung tâm pháp y Cần Thơ kết luận: Qua kết quả khám lâm sàng và cận lâm sàng, sự phát triển thể chất của cơ thể, sự mọc răng và đặc điểm hóa cốt của các đầu xương chưa liền vào thân xương, xác định Nguyễn Văn Đ có độ tuổi từ 13 tuổi đến 13 tuổi 06 tháng (tại thời điểm giám định 19/01/2023). Theo đó, tính đến thời điểm phạm tội (ngày 22/11/2022), Đ 13 tuổi 04 tháng.

Tại phiên tòa bị cáo cho rằng, chỉ nghĩ Đ sẽ về xin tiền mẹ Đ để đi nhậu tiếp, việc Đ vào nhà chị S trộm tài sản là Đ tự ý thực hiện, bị cáo không ngờ đến. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo đang khai nài, trốn tránh trách nhiệm

thể hiện qua hàng loạt sự kiện tiếp theo đó: khi bị cáo cùng Đ đi đến trước cửa nhà chị S, bị cáo tự biết đứng để cảnh giác, không có hành động ngăn cản Đ; Đ mang tài sản trộm được bị cáo mang đi cất giấu, bán tiêu xài, thậm chí là sợ bị phát hiện nên bị cáo kêu Đ mang trả điện thoại. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị cáo đã có hành vi xúi giục Đ (13 tuổi 04 tháng) vào nhà chị S để lấy trộm tài sản.

Bị cáo thống nhất Đ hai lần vào nhà chị S lấy trộm số tài sản: Lần 1: Trộm 04 nhãn hột, 01 nhãn đồng tiền, 01 sợi dây tay trị giá 18.995.000đ; lần 2: Trộm 01 dây chuyền chữ Công, dạng đặc trị giá 50.112.000đ. Trong lần Đ trộm 01 sợi dây chuyền, tuy ngoài mong muốn và không có ý kiến của T nhưng khi Đ mang tài sản trộm được T không phản đối và mang đi tiêu thụ, dùng số tiền có được tiêu xài cá nhân.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở áp dụng điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” đối với bị cáo Hồ Hữu T.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại giai đoạn điều tra, bị cáo và người thân đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả; tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, đầu thú hành vi phạm tội; bị cáo thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo là đối tượng lười lao động, thiếu ý chí rèn luyện, tu dưỡng. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Xét đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, nên chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại đủ tài sản mất trộm; những người liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Các đối tượng liên quan:

Đối với Nguyễn Văn Đ chưa đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự; Trần Anh D không biết tài sản Tài trộm mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[9] Xử lý vật chứng: Xét trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành trao trả cho bị hại Huỳnh Thị Diễm S theo Quyết định xử lý vật chứng số 23 ngày 08/12/2023 của Cơ quan điều tra Công an huyện A (BL 90); bị cáo và những người liên quan thỏa thuận nhận lại xe, điện thoại và giao nộp tiền Việt Nam theo Quyết định xử lý vật chứng số 05 ngày 07/01/2023 (BL 94) là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo cận nghèo của xã V, theo số 650/GCNHN.HCN ngày 01/01/2023 và có đơn xin miễn án phí ngày 28/4/2023 nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, o khoản 1 điều 52; Điều 17, 46, 47, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Căn cứ Điều 106, 107, Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hồ Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hồ Hữu T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 23/11/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Hồ Hữu T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2023), bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKS tỉnh An Giang (01);
- VKS A (02);
- TAT An Giang (01);
- Sở Tư pháp An Giang (01);
- NTG A (01);
- THA DS A (01);
- THAHS (01);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSV A (01);
- Lưu VP (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thảo Ngân